

Số: 92 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị
Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ/CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định 26/2013/QĐ-UBND ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Công văn số 50/SNV-TCBC&TCPCP ngày 12/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang đã được thông qua tại Đại hội đại biểu lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 17/3/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Ngoại vụ; Công an tỉnh; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh; các tổ chức, cá nhân có liên quan và Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, TKCT, TH;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH



Lê Ánh Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 15 tháng 01 năm 2021

ĐIỀU LỆ

Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: 92 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang.

(Tên viết tắt: Hội Hữu nghị Việt - Lào tỉnh Bắc Giang)

2. Tên giao dịch tiếng Anh: VIETNAM – LAO CONFERENCE ASSOCIATION

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang (sau đây gọi tắt là Hội), là tổ chức xã hội, thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh Bắc Giang, hoạt động nhằm góp phần củng cố, tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Lào nói chung và giữa nhân dân tỉnh Bắc Giang và nhân dân Lào nói riêng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hội hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hiệp thương dân chủ theo điều lệ hội đã được phê duyệt, trên cơ sở tuân thủ pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và điều lệ hội đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt.

2. Trụ sở của hội đặt tại: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh (tầng 3, tòa B, Trụ sở liên cơ quan, Quảng trường 3/2, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang)

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang hoạt động trong lĩnh vực quan hệ hợp tác, đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và Lào trên phạm vi địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Hội chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Ngoại vụ và dưới sự hướng của Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị tỉnh Bắc Giang về chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều lệ hội đã được duyệt.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước; tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của hội theo quy định của pháp luật; kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển hội và lĩnh vực hội hoạt động.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Được thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội theo quy định của pháp luật.
8. Được lập quỹ hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động của hội theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội; tổ chức các hoạt động của hội theo điều lệ hội đã được phê duyệt; không lợi dụng hoạt động của hội để những làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp đoàn kết hội viên; tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội... tiến hành các hoạt động nhằm củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giao lưu kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, du lịch, thể thao, khoa học kỹ thuật giữa tỉnh Bắc Giang và nhân dân Lào.
3. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

4. Tuyên truyền, giới thiệu với nhân dân Lào về đất nước, con người Bắc Giang nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung về đường lối chính sách của Nhà nước Việt Nam; tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Lào đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước của nhân dân Việt Nam; tìm hiểu thông tin và tuyên truyền về tình hình kinh tế - xã hội của Lào với nhân dân tỉnh Bắc Giang nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước.

5. Tham gia các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị hợp tác phát triển của nhân dân tỉnh Bắc Giang nói riêng, Việt Nam nói chung với nhân dân Lào và nhân dân các nước trên thế giới theo sự hướng dẫn của Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị tỉnh và Trung ương Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của hội theo đúng quy định của pháp luật và quy chế của hội.

8. Thường xuyên quan hệ chặt chẽ với trung ương hội để nắm thông tin và sự chỉ đạo của trung ương hội, trên cơ sở đó triển khai các hoạt động cho hội địa phương.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III **HỘI VIÊN**

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của hội gồm hội viên chính thức, liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Là công dân, tổ chức đang làm ăn sinh sống trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, tán thành điều lệ hội và tự nguyện làm đơn xin gia nhập, được Ban Chấp hành hội đồng ý cho gia nhập và trở thành hội viên của hội.

b) Hội viên liên kết: Là các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) hoạt động tại Bắc Giang có đóng góp cho sự phát triển của Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào, tán thành Điều lệ hội, thì được hội xem xét công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Là công dân Việt Nam không có điều kiện trở thành hội viên chính thức của hội, tán thành điều lệ hội, tự nguyện xin vào hội được công nhận là hội viên danh dự.

Thủ tục kết nạp, quyền và nghĩa vụ của hội viên chính thức, hội viên liên kết, hội viên danh dự do điều lệ hội quy định.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức: Là công dân Việt Nam có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang hoặc người Bắc Giang không có hộ khẩu thường trú ở Bắc Giang, có quyền công dân, tự nguyện xin vào hội thì được Ban Thường vụ Hội xem xét, kết nạp làm hội viên của hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội, được tham gia các hoạt động do hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của hội theo quy định của hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội.

4. Được dự đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra hội theo quy định của hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành điều lệ, quy định của hội.

2. Tham gia các hoạt động của hội nhằm củng cố và phát triển tình hữu nghị giữa nhân dân tỉnh Bắc Giang và nhân dân Lào; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng hội phát triển ngày càng vững mạnh.

3. Tuyên truyền rộng rãi tôn chỉ, mục đích và điều lệ của hội trong nhân dân tỉnh Bắc Giang để thu hút các thành viên tham gia và mở rộng hoạt động của hội, góp phần thúc đẩy sự hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, giáo dục đào tạo, y tế, đầu tư, xây dựng, sản xuất, kinh doanh giữa các tổ chức, cá nhân người Việt Nam với tổ chức và cá nhân người Lào đang sinh sống, học tập, nghiên cứu và làm việc trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

4. Bảo vệ uy tín của hội, không được nhân danh hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Ban Thường vụ hội phân công bằng văn bản.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của hội.

6. Nộp hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra hội

1. Hội viên muốn vào hội phải có đơn xin vào hội và phải được trên 1/2 thành viên Ban Chấp hành hội xem xét chấp nhận.

2. Hội viên muốn ra khỏi hội phải làm đơn xin ra khỏi hội.

3. Ban Chấp hành hội có quyền quyết định xóa tên khỏi danh sách những hội viên hoạt động sai tôn chỉ, mục đích, điều lệ hội và vi phạm các quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Ban Thư ký và các ban chuyên môn, tổ chức trực thuộc (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội là đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. Thời gian do Ban Chấp hành ấn định.

- Phiên họp của Ban Chấp hành được tiến hành với sự có mặt ít nhất 2/3 thành viên.

- Các quyết định của Ban Chấp hành chỉ được thông qua với ít nhất 2/3 thành viên có mặt tại phiên họp tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì xin ý kiến của chủ trì phiên họp, ý kiến của chủ trì phiên họp là quyết định. Các nghị quyết của Ban Chấp hành hội phải được ghi vào biên bản có chữ ký của chủ tọa và thư ký phiên họp.

3. Nhiệm vụ của đại hội

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới.

b) Thảo luận và thông qua điều lệ; điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hội (nếu có).

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của hội; phê duyệt quyết toán tài chính và thông qua kế hoạch tài chính khóa mới.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

e) Thông qua nghị quyết đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại đại hội

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành hội

1. Ban Chấp hành hội do đại hội bầu trong số các hội viên của hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành.

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, điều lệ hội, lãnh đạo mọi hoạt động của hội giữa hai kỳ đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của hội. Ban hành quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ phù hợp với quy định của điều lệ hội và quy định của pháp luật hiện hành.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 2/3 so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ hội.

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hội.

Điều 15. Ban Thường vụ hội

1. Ban Thường vụ hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, điều lệ hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ hội.

b) Ban Thường vụ mỗi quý họp 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch hội hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra hội gồm: Trưởng ban, phó trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện điều lệ hội, nghị quyết đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và điều lệ hội.

Điều 17. Tổng thư ký

Ban Thường vụ bầu tổng thư ký và một số thư ký. Có nhiệm vụ giúp Chủ tịch và Ban Thường vụ chuẩn bị nội dung các kỳ họp, lập báo cáo theo quy định, triển khai tổ chức hoạt động, giải quyết các công việc hàng ngày của hội, quản lý tài sản và cơ sở vật chất, tài liệu và tài chính của hội.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội

1. Chủ tịch hội là đại diện pháp nhân của hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của hội. Chủ tịch hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch hội do Ban Chấp hành quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch hội

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hội quy định.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hội về mọi hoạt động của hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của hội theo

quy định điều lệ hội, nghị quyết đại hội, nghị quyết và quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội.

đ) Khi Chủ tịch hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch hội.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch hội

Phó Chủ tịch hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch hội chỉ đạo, điều hành công tác của hội theo sự phân công của Chủ tịch hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với điều lệ hội và quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 19. Chi hội

- Ban Chấp hành tỉnh hội ra nghị quyết thành lập chi hội; công nhận chi hội trưởng, các chi hội phó, thư ký chi hội, sau đó thông báo tới các chi hội và hội viên.

- Chi hội bầu ra Ban Chấp hành gồm: Chi hội trưởng, các chi hội phó và thư ký Chi hội để lãnh đạo công tác chi hội.

- Chi hội cơ sở chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ban Chấp hành tỉnh hội; chi hội cơ sở họp toàn thể ít nhất 6 tháng một lần; Ban Chấp hành chi hội họp thường kỳ 3 tháng một lần và 2 năm bầu lại một lần (tùy điều kiện).

- Khi thay đổi chi hội trưởng, các chi hội phó, thư ký của chi hội cơ sở Ban Chấp hành chi hội phải có báo cáo bằng văn bản với Ban Thường vụ tỉnh hội.

Điều 20. Chế độ phối hợp công tác giữa các cấp hội

1. Ban Chấp hành tỉnh hội điều phối các hoạt động, hướng dẫn, hỗ trợ công tác của các chi hội; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

2. Các chi hội chủ động giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo đúng điều lệ hội không trái với nghị quyết của Ban Chấp hành tỉnh hội; phối hợp với các chi hội khác trong hoạt động hội và thường xuyên báo cáo công tác cho tỉnh hội theo quy định thống nhất về nội dung và thời gian.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 21. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, đổi tên và giải thể hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết đại hội và các quy định Pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính, tài sản của hội

1. Tài chính của hội

a) Nguồn thu của hội.

- Lệ phí gia nhập hội, hội phí hàng năm của hội viên (*mức lệ phí và hội phí do Ban Chấp hành hội quy định*);

- Thu từ các hoạt động của hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của hội.

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của hội;

- Chi thuê trụ sở làm việc (nếu có), mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại hội theo quy định của Ban Chấp hành hội phù hợp với quy định của pháp luật;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành;

2. Tài sản của hội: Bao gồm trụ sở (trường hợp do hội tự đầu tư), trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của hội. Tài sản của hội được hình thành từ nguồn kinh phí của hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 23. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội

1. Tài chính, tài sản của hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của hội.

2. Tài chính, tài sản của hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành hội ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc hội, hội viên có thành tích xuất sắc được hội khen thưởng hoặc được hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của Pháp luật.

2. Ban Chấp hành hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ hội theo quy định của pháp luật và điều lệ hội.

Điều 25. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của hội thì bị xem xét, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý, phê bình, khiển trách, cảnh cáo, cách chức hoặc bị khai trừ ra khỏi hội; trường hợp gây thiệt hại về vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Đối với tổ chức cơ sở thuộc hội vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ hội thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị giải thể.

**Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 26. Sửa đổi, bổ sung điều lệ hội**

Chỉ có Đại hội Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang mới có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung điều lệ hội phải được trên 1/2 số đại biểu chính thức có mặt tại đại hội tán thành và được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt.

Điều lệ này gồm **08 chương, 26 điều** đã được Đại hội lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào tỉnh Bắc Giang thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2020.

Căn cứ quy định của pháp luật về hội và điều lệ hội, Ban Chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam – Lào tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.